

Hướng dẫn nhập bài tập Hot Potatoes vào hệ thống Moodle phiên bản 3.x

Bước 1. Biên soạn bài tập bằng phần mềm HotPotatoes (*xem thêm bản hướng dẫn sử dụng HotPotatoes*). Lưu bài tập trên máy ở định dạng của HotPotatoes (.jqz, .jmt, .jcw, .jcl, .jmx) mà không cần xuất ra dạng HTML (trang mạng).

Bước 2. Trong khoá học trên hệ thống Moodle, ở vị trí muốn đưa bài tập vào, nhấn nút **“Thêm một hoạt động hoặc tài nguyên”** (*Add an activity or resource*), chọn **“Bài tập HotPotatoes”** (*HotPot*).

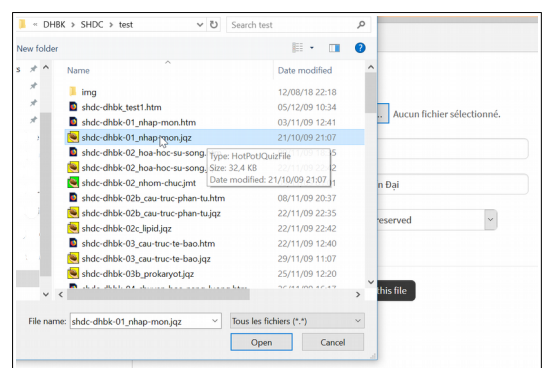
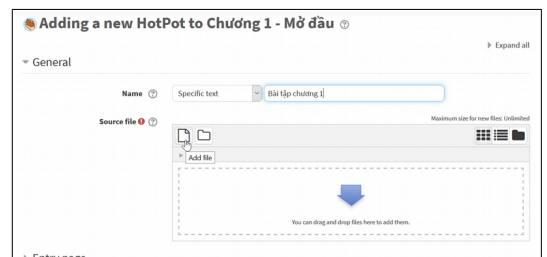
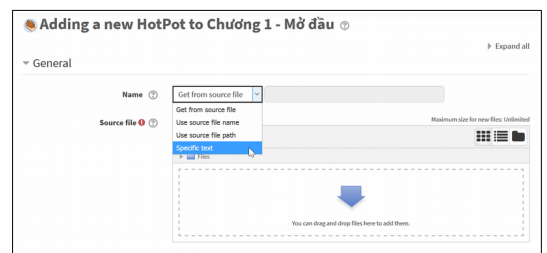
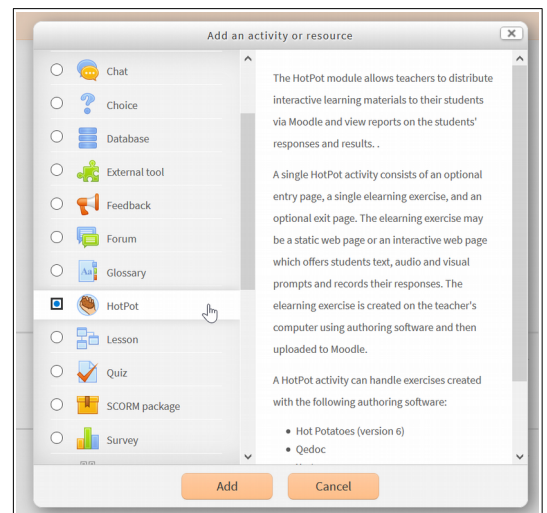
- Nếu trong danh sách không có tùy chọn **“Bài tập HotPotatoes”** (*HotPot*), có nghĩa là module chức năng này chưa được cài đặt hoặc kích hoạt trên hệ thống. Chỉ cần thông báo cho người quản trị để cài đặt hoặc bật chức năng này.

Bước 3. Một cửa sổ mới mở ra cho phép thiết lập các thông số cho bài tập cần nhập vào.

- **Tên bài tập:** lựa chọn mặc định **“Lấy từ tập tin nguồn”** (*Get from source file*) là lấy từ bản thân bài tập (đã soạn trong HotPotatoes). Nếu chọn phương án này, sau khi nhập bài tập vào hệ thống sẽ lấy tên đặt trong HotPotatoes để làm tên của bài tập này.
- Nếu chọn **“Tự đặt”** (*Specific text*), ô trống bên tay phải (bình thường bị bôi xám) sẽ được mở ra để nhập tên bài tập vào.

Bước 4. Ở khung **“Tập tin nguồn”** (*Source file*), nhấn nút **“Thêm tập tin”** (*Add file*), sau đó chọn đưa đường dẫn về nơi lưu bài tập trên máy, chọn bài tập mong muốn (thuộc các định dạng .jqz, .jmt, .jcw, .jcl, .jmx) để tải lên hệ thống.

- Cách tải tập tin lên hệ thống và quản lý các thư mục tương tự như khi chèn các tài nguyên dạng tập tin PDF, PPT, DOC, v.v. (*xem thêm bản “Hướng dẫn trình bày tổng quát giáo trình trên hệ thống Moodle”*).
- Sau khi tải tập tin lên hệ thống rồi, nhấn nút **“Chọn”** ở bên tay phải tập tin tương ứng, tên đến tập tin sẽ được điền vào và tải lên khung **“Tập tin”** (*Files*).



Attachment

Save as

Author

Choose license

Adding a new HotPot to Chương 1 - Mở đầu

General

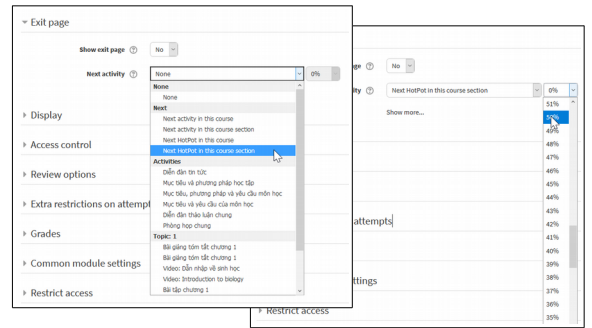
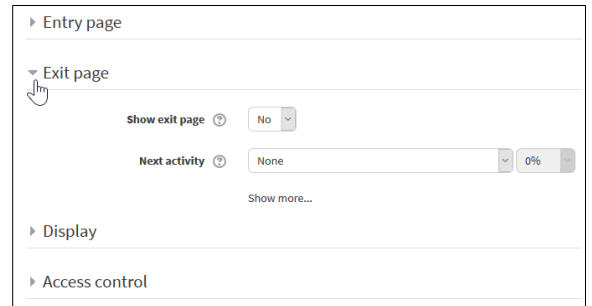
Name

Source file

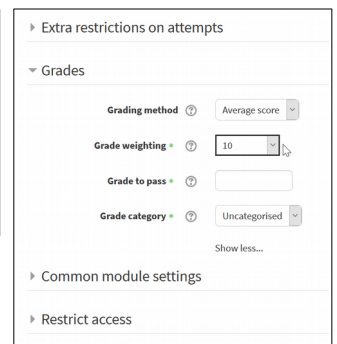
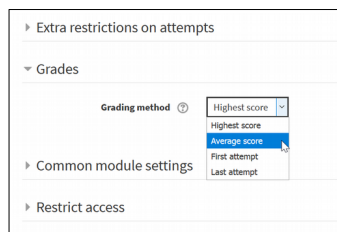
Files

Bước 5. Chọn các thiết lập khác cho bài tập.

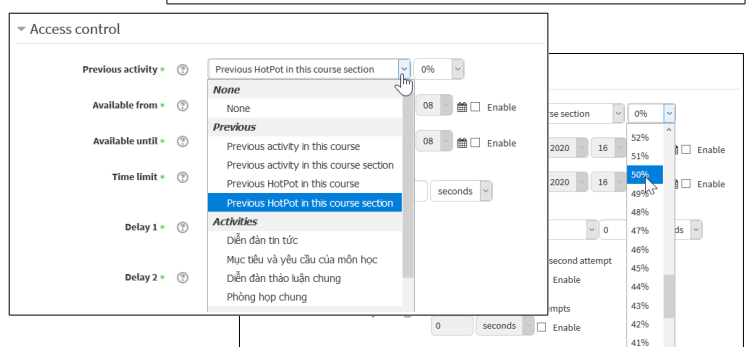
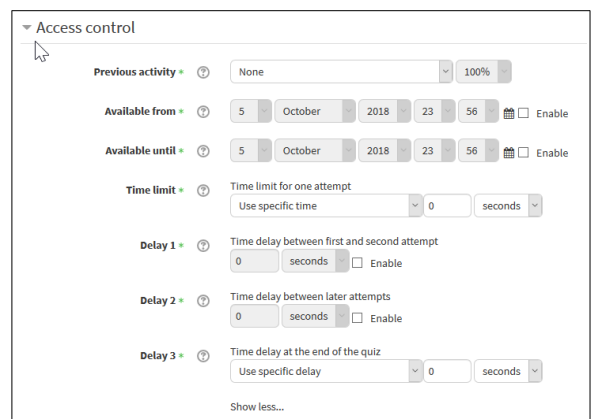
- Mục “**Trang đăng xuất**” (*Exit page*):
 - nên để **chế độ hiển thị trang đăng xuất** (*Show exit page*) như mặc định là “**Không**” (*No*).
- Nếu muốn cho kết hợp một **chuỗi bài tập** Hot Potatoes thì có thể chọn các chế độ chuyển tiếp sang **hoạt động kế tiếp** (*Next activity*) theo ý muốn: hoặc bài tập HotPot tiếp theo trong cùng khoá học (*Next HotPot in this course*) hay cùng phân mục (*Next HotPot in this section*), hoặc hoạt động tiếp theo trong cùng khoá học (*Next activity in this course*) hay cùng phân mục (*Next activity in this section*), hoặc trực tiếp các hoạt động khác có trong danh sách cuốn.
 - Thiết lập mặc định là không giới hạn mức điểm tối thiểu (0 %) cần đạt của bài tập trước khi được chuyển sang bài sau. Trong trường hợp muốn xác định mức điểm tối thiểu, bấm vào danh sách cuốn bên phải và chọn mức điểm tương ứng (ví dụ 50 %).



- Mục “**Điểm**” (*Grades*):
 - chọn **phương pháp tính điểm** (*Grading method*) nào thích hợp với ý định chấm điểm. Thông thường nên chọn phương pháp “**Điểm trung bình**” để lấy bình quân tất cả các lượt làm bài để tính điểm sau cùng;
 - chọn **thang điểm** (*Grade weighting*) ứng với mức điểm tối đa muốn gán cho bài tập. Thông thường ở Việt Nam nên chọn thang điểm 10 cho phù hợp với thói quen chung.



- Mục “**Kiểm soát truy cập**” (*Access control*) có thể cho phép xác định **thời gian làm bài** (*Time limit*), hoặc chọn thời gian bắt đầu **mở bài tập** (*Available from*) và/hoặc **đóng bài tập** (*Available until*), cũng như **giãn cách** giữa các lượt làm bài (*Delay*) nếu cần thiết.
 - Khi kết hợp **chuỗi bài tập**, có thể chỉ cho truy cập sau khi đã hoàn thành bài tập HotPot liền trước trong cùng khoá học (*Previous HotPot in this course*) hay cùng phân mục (*Previous HotPot in this section*), hoặc hoạt động liền trước trong cùng khoá học (*Previous activity in this course*) hay cùng phân mục (*Previous activity in this section*), hoặc trực tiếp các hoạt động khác có trong danh sách cuốn. Mức điểm ràng buộc có thể thay đổi từ 0 % lên đến 100 %.



- Mục “**Giới hạn số lượt làm bài**” (*Extra restrictions on attempts*), tùy vào tính chất của bài kiểm tra mà có thể giới hạn “**Số lượt làm bài cho phép**” (*Attempts allowed*) từ 1 đến 10 lượt làm bài, hoặc để tùy chọn mặc định là **không giới hạn** (*Unlimited attempts*).

Bước 6. Chọn các **thiết lập chung cho module** (*Common module settings*).

- **Kiểu nhóm** (*Group mode*): có thể cho phân nhóm hoặc không, tùy theo mục đích tổ chức lớp học.
- **Mở/Đóng** (*Availability*): nếu muốn mở ngay bài tập cho học viên thấy, chọn “**Mở**” (*Show on course page*); nếu chưa muốn, có thể chọn “**Đóng**” (*Hide from students*) để tiếp tục cho bài tập nằm ở chế độ biên soạn, chỉnh sửa (khi đó, trong trang chính của khoá học sẽ thấy tên bài tập được tô màu xám, tức chế độ ẩn).
- **Mã số** (*ID number*): nên để trống; chỉ sử dụng mã số cho bài tập khi đã nắm vững và có nhu cầu muốn tính toán thang điểm cho các hoạt động học tập tổ chức trong khoá học.
- Các tùy chọn còn lại nên để tất cả như mặc định. Các lựa chọn nâng cao sẽ được hướng dẫn trong một tài liệu riêng.

Sau khi chọn xong tất cả các thiết lập như trên, nhấn nút “**Lưu và quay lại khoá học**” (*Save and return to course*).